

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. CẦN THƠ
TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂN THẠNH

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A9, NĂM HỌC 2026-2027

(Tổ hợp môn học: Địa lí, GDKT&PL, Hóa học, Tin học)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ghi chú
1	Huỳnh Thị Cẩm Ái	Nữ	18/10/2010	Kinh	
2	Hồ Phương Anh	Nữ	16/01/2011	Kinh	
3	Lý Duy Anh	Nam	07/02/2010	Kinh	
4	Nguyễn Quốc Bảo	Nam	11/12/2011	Kinh	
5	Nguyễn Thị Hoa Đào	Nữ	14/06/2011	Kinh	
6	Đàm Tấn Dũng	Nam	10/02/2011	Kinh	
7	Dương Anh Hào	Nam	04/02/2011	Kinh	
8	Đặng Gia Hưng	Nam	02/10/2011	Kinh	
9	Trần Phạm Như Huỳnh	Nữ	21/08/2011	Kinh	
10	Lâm Thị Phương Linh	Nữ	22/11/2011	Khơ-me	
11	Triệu Phạm Yên Linh	Nữ	04/04/2011	Hoa	
12	Trần Đăng Lộc	Nam	10/12/2011	Kinh	
13	Son Hứa Huỳnh Mai	Nữ	14/06/2011	Khơ-me	
14	Ngô Kim Nguyên	Nữ	15/10/2011	Kinh	
15	Trịnh Võ Đình Nguyên	Nam	27/11/2011	Kinh	
16	Trịnh Thảo Nhi	Nữ	15/12/2011	Kinh	
17	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	Nữ	10/09/2011	Kinh	
18	Thạch Thị Hạnh Như	Nữ	04/07/2011	Kinh	
19	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Nữ	24/04/2010	Kinh	
20	Phạm Hữu Phước	Nam	11/05/2009	Kinh	
21	Ngô Ánh Quyên	Nữ	08/01/2011	Kinh	
22	Lâm Tú Quyên	Nữ	22/11/2011	Kinh	
23	Trần Diễm Quỳnh	Nữ	24/05/2011	Kinh	
24	Huỳnh Hữu Thắng	Nam	29/12/2011	Kinh	
25	Trần Phương Thảo	Nữ	07/04/2011	Kinh	
26	Huỳnh Văn Thông	Nam	04/07/2010	Kinh	
27	Trần Thị Kim Thuyền	Nữ	09/10/2011	Kinh	
28	Thạch Minh Tiến	Nam	18/08/2011	Khơ-me	
29	Nguyễn Minh Tiến	Nam	17/07/2011	Kinh	
30	Trương Thị Bích Trâm	Nữ	12/11/2011	Kinh	
31	Châu Tổ Trân	Nữ	21/05/2010	Kinh	
32	Lâm Thị Quế Trân	Nữ	05/11/2010	Khơ-me	
33	Hà Ngọc Trân	Nữ	27/08/2010	Kinh	
34	Trần Bảo Trí	Nam	09/04/2010	Kinh	
35	Nguyễn Quốc Trọng	Nam	14/08/2011	Kinh	
36	Lâm Thị Hồng Trúc	Nữ	13/11/2011	Khơ-me	
37	Trần Thanh Tú	Nam	20/08/2011	Kinh	
38	Nguyễn Duy Tường	Nam	13/10/2011	Kinh	
39	Ông Thị Cẩm Vân	Nữ	31/03/2011	Khơ-me	
40	Trần Thị Vân	Nữ	18/04/2011	Khơ-me	
41	Phan Phương Vi	Nữ	08/12/2011	Kinh	
42	Phạm Trung Việt	Nam	22/08/2011	Kinh	
43	Lê Ngọc Kiều Vy	Nữ	28/01/2011	Kinh	